

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC BÁC SĨ DƯỢC SĨ

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC (BÁC SĨ, DƯỢC SĨ) NĂM 2025

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
1	Rô Ngan	02/6/1994	Nam	Ia Dreh, Gia Lai	Buôn Kơ Jíng, Dreh, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0002949	Tiếng Anh B A1993881	Ứng dụng CNTT cơ bản 0349882		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/4/1994	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	968 Hùng Vương, thôn 5, xã Chư P rông, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014511		Tin học ứng dụng A2738172		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
3	Siu H' Them	28/4/1998	Nữ	Chư Puh, Gia Lai	70 Hùng Vương, thôn Plei Kly Phun, xã Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ YHDP EA0365	Tiếng Anh Bậc 3 0014179	Ứng dụng CNTT cơ bản 0025738		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS và An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
4	Ngô Thị Thu Hương	19/9/1998	Nữ	Ia Rsai, Gia Lai	Thôn Quỳnh Phụ, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.000319	Tiếng Anh B1 387/QĐ-ĐHBMT	Ứng dụng CNTT cơ bản BMU.CB.00204		Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa		Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
5	Nay Đại	14/9/1999	Nam	Ia Tul, Gia Lai	Thôn Plei Apa Ama Lim, Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa CA6320	Tiếng Anh B1 0032436	Ứng dụng CNTT cơ bản 0029023		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
6	Siu Rak	10/10/1994	Nam	Ia Hnú, Gia Lai	Kueng Xi Nghiệp, Ia Hnú, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TN.YK.002868	Tiếng Anh A2 058810	Ứng dụng CNTT cơ bản C00209578		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng hợp - LCK	Trung tâm Y tế Ia Grai	Bác sĩ Y khoa	TYT xã Ia Chia	Trung tâm Y tế Ia Grai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
7	Lê Thị Chinh	18/11/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Thôn Ia To, Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301550				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
8	Huỳnh Như Ý	10/10/1998	Nam	Ea Wy, Đăk Lăk	Thôn 3C, Ea Wy, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược GA0584	Tiếng Anh Bậc 3 0031125	Ứng dụng CNTT cơ bản TVU.TC.008667		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
9	Đinh Thị Thủy Nhung	25/7/1992	Nữ	Đức Cơ, Gia Lai	Tổ 1, Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001109	Tiếng Anh B A2408806	Tin học B A2247051		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
10	Nay H' Hiền	26/8/1997	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	34 Hai Bà Trưng, TDP 6, Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ YHDP 002915	Tiếng Anh A2 BSET2514402	Ứng dụng CNTT cơ bản QH53202204030		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng- Dinh dưỡng- ATVSTP	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	- Khoa Y tế công cộng, DD và an toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
11	Thuch	14/6/1992	Nam	H'Ra, Gia Lai	Làng Kon Choanh, H'Ra, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002132	Tiếng Anh B1 2023.B1.1594	Ứng dụng CNTT cơ bản 014528		Người dân tộc thiểu số	Không	Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã H' Ra cơ sở 2	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
12	Nguyễn Danh Tuấn	27/8/1992	Nam	Hội Phú, Gia Lai	63/7 út Tịch, Hội Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.000789	Tiếng anh TOEIC 485 (81/YDBMT-NN-TIEIC) ngày cấp 26/4/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (0274004)		Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
13	Lê Ngọc Anh Thư	22/02/1999	Nữ	Đức Cơ, Gia Lai	03 Cách Mạng, TDP 7, Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301686	Tiếng Anh A2 058986	Ứng dụng CNTT nâng cao N004772		Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
14	Đào Quốc Thịnh	14/8/1995	Nam	Kon Gang, Gia Lai	Thôn Đê Hoch, Kon Gang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.00078 2	Tiếng anh TOEIC 660 (60/YDBMT-NN-TOEIC) ngày cấp 26/4/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (019148)		Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
15	Ngô Thị Thanh Hà	22/10/2001	Nữ	Ia Dom, Gia Lai	Thôn IaMut, Ia Dom, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 04099	Tiếng Anh A2 058208	Ứng dụng CNTT cơ bản C00209529		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
16	Kpă H' Nga	29/5/1995	Nữ	Chư A Thai, Gia Lai	Plei Mun Măk, Chư A Thai, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0017 40	Tiếng Anh Bậc 3 1443/QĐ-ĐHTN-TTNNHH	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH.00 0778	Người dân tộc thiểu số	Không	Không	Khoa YHCT-PHCN	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm - CDHA	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
17	Lê Thị Kim Tiền	26/01/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	292 Hùng Vương, TDP 10, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B000350	Tiếng Anh B1 491/ĐHBMT-TTNNTH-B1	Ứng dụng CNTT cơ bản BMU.CB.0 00294		Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
18	Rah Lan H' Nhang	15/10/2000	Nữ	Uar, Gia Lai	Buôn Toát, Uar, Gia Lai	Bác sĩ YHCT DHH.6.100000 45			Người dân tộc thiểu số	Không	Không	Khoa YHCT-PHCN	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
19	Trương Hồng Thương	05/4/1998	Nữ	Kbang, Gia Lai	66 Võ Thị Sáu, Kbang, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C0003815	Tiếng Anh Bậc 3 E14637	Ứng dụng CNTT cơ bản DPX.C0018 46	Người dân tộc thiểu số	Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Đak Pơ	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
20	Đinh Thị Sách	19/9/2002	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	Làng Nghe, Kông Chro, Gia Lai	Đại học ngành Dược DHH.6.G.0000 140	Tiếng Anh A2 063576	Ứng dụng CNTT cơ bản C00212714	Người dân tộc thiểu số	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
21	Hoàng Thị Nhật Linh	26/9/1999	Nữ	Kbang, Gia Lai	21 Nguyễn Du, thôn 8, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10101 524				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
22	Nguyễn Ngọc Hải	06/02/1998	Nam	Pleiku, Gia Lai	29 Nay Der, tổ 1, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301881		Ứng dụng CNTT cơ bản C00243660		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
23	Lê Mỹ Linh	16/6/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Thôn Hoàng Tiên, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDS.DS00052 6	GXN Tiếng anh Bậc 3 118/GXN-EDUVIET	Ứng dụng CNTT cơ bản C00209550		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
24	Vũ Văn Kiên	07/7/1996	Nam	Đức Cơ, Gia Lai	331 Quang Trung, tổ 2, Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300448	Tiếng Anh Bậc 3 0007561	Tin học Cơ bản 0001866		Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
25	Nguyễn Thị Trang	26/11/1998	Nữ	Ia Dom, Gia Lai	169 Ia Mut, Ia Dom, Gia Lai	Đại học ngành Dược D002415			Không	Không		Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
26	Nguyễn Chí Trung	01/01/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Nhà thuốc Thái Bảo, thôn 1, Ia Ko, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000657	Tiếng Anh B A1618507	Tin học B A1613367		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
27	Đỗ Thị Trà My	19/9/2001	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	230/2 Nguyễn Chí Thanh, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001139	Tiếng Anh B1 22.B1.002030			Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
28	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/11/1998	Nữ	Kon Tum, Quảng Ngãi	43 Hoàng Thi Loan, Kon Tum, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược 10100403	Tiếng Anh A2 0025269	Ứng dụng CNTT cơ bản 0071572		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
29	Nay H' Nip	08/10/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	274/9/5 Lê Duẩn, An Phú, Gia Lai	Bác sĩ YHCT P0000569	Tiếng Anh B1 06686	Ứng dụng CNTT cơ bản 018750		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa YHCT và PHCN	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
30	Nguyễn Lê Khánh	18/11/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	250A/11 Cách Mạng tháng tám, tổ 9, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0003946)	Tiếng Anh Bậc 4 E028547	Ứng dụng CNTT cơ bản QH53202419416		Không	Thu hút	Phòng Kế hoạch tổng hợp-CDT	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
31	Nguyễn Thị Hương Liên	24/5/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Làng Tnao, IaBoong, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 03202	Tiếng Anh A2 BSET2419569	Ứng dụng CNTT cơ bản C00189385		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
32	Ksor H' Chuyền	10/11/1996	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bôn Hoang 1, Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS/B3.000212	Tiếng Anh Bậc 3 E013988	Ứng dụng CNTT cơ bản QH53202342143		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
33	Mạc Thị Thảo Vi	25/5/1993	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	362 Trần Phú, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược DS00912	Tiếng Anh B A1501890	Tin học A A726709		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
34	Alê H' Ngát	28/6/1996	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Buôn Ia Rnho, Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300918	Tiếng Anh B A2488446	Tin học B A2673448		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
35	Hà Kiều Anh	18/9/2000	Nữ	Kbang, Gia Lai	16A1 Hùng Vương, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDS.DS.000908	Tiếng Anh Toeic 565 ngày cấp: 11/01/2025	Ứng dụng CNTT cơ bản 023614		Người dân tộc thiểu số	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
36	Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/1995	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	750 Phạm Văn Đồng, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000150	Tiếng Anh A2 A2766829	Ứng dụng CNTT cơ bản QH53202505283		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
37	Nguyễn Thành Đạt	17/5/1996	Nam	An Phú, Gia Lai	68/1A Nguyễn Hữu Thọ, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302638				Không	Không	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
38	Đinh Nguyễn Bích Thủy	05/02/2002	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Thôn Hợp Thắng, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000348		Ứng dụng CNTT cơ bản DND.II.0050424		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
39	Nguyễn Thị Bảo Trúc	22/7/1993	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	472 Nguyễn Huệ, Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược B.M.U.D.000929		Tin học ứng dụng B A712701		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
40	Rmah H' RơBeKa	18/6/1990	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Thôn Marin 1, Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 008369 Thạc sĩ Tô chức QL Dược 001647	Miễn thi	Ứng dụng CNTT cơ bản 018899		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
41	Nguyễn Thị Thúy Hiền	12/8/1995	Nữ	K'dang, Gia Lai	Thôn Hà Lòng 2, K'dang, Gia Lai	Đại học ngành Dược 2018/Q5DH13/1372		Ứng dụng CNTT cơ bản 2323/2017/TTTH-THCB		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
42	Rơ Mah Gia Thịnh	27/11/1999	Nam	Ia Hrunng, Gia Lai	Làng Jut 2, Ia Hrunng, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10102269	Tiếng Anh B1 BSET2417212	Ứng dụng CNTT cơ bản C00186764		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
43	Đinh Thị Tuyết	23/3/2002	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Thôn 4, Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược DHH.6.G.0000174	Tiếng Anh A2 063835	Ứng dụng CNTT cơ bản C00202941		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
44	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	19/6/1998	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Thôn 4, Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 77300979				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
45	Ksor Thĩn	10/01/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Làng Jrăng Blo, Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502328)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DLH1201580)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đưc Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
46	Lương Thị Thu Hằng	17/8/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Thôn Mỹ Phú, Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 001074	Tiếng Anh Toeic 540 ngày cấp: 22/6/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản 014550		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
47	Ksor H' Phyen	16/6/1998	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Làng Ghê, Ia Dok, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (C0003993)	Tiếng Anh B1 (06704)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C00186801)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng, DD và an toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
48	Rah Lan H' Lý Lú	21/9/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	102B Nguyễn Huệ, tổ 7, Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000434)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
49	Bùi Thị Phương Như	18/01/1995	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	94 Kpa Tit, tổ DP 04, Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000162)	Tiếng Anh bậc 2 (C001032)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.000491)		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
50	Nguyễn Trần Kim Khánh	02/01/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	127 Trần Phú, Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000144)	Tiếng Anh bậc 3 (61/GXN-EDUVIET)	Tin học Ứng dụng (001671)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
51	Lê Văn Tuyển	28/8/1978	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	Thôn 07, hẻm 101/17 Lý Thường Kiệt, Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1 chẩn đoán hình ảnh (BS: 039128; CKI: 0075088)				Không	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang - cơ sở 4	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã KĐang - Cơ sở 2	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
52	Nguyễn Lê Phương Uyên	30/3/2000	Nữ	An Bình, Gia Lai	Thôn An Sơn, An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302489)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C.008497)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
53	Rơ Châm Oanh	28/11/1999	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Làng Kép, Ia Phí, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (C0003805)	Tiếng Anh B1 (22.B1.001152)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C00126578)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
54	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	476/1 Hùng Vương, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021444)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
55	Siu Êu Rô	04/8/1996	Nam	Quảng Lập, Lâm Đồng	Thôn Plei Rbai, Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000235)	Tiếng Anh B1 (0000426)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1315454)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
56	Cao Thanh Vân	03/11/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Thôn Cầu Vàng, Kđang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10204907)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
57	Nguyễn Văn Thái	10/9/1993	Nam	An Khê, Gia Lai	664 Quang Trung, phường An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014550	Tiếng Anh A2 058844	Tin học B A2738279		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
58	Nguyễn Hồng Nga	10/12/1995	Nữ	An Khê, Gia Lai	954 Quang Trung, Tổ 1 An Phú, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0002930)		Microsoft Office Specialist (wd 9Nc - FMRz)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
59	Nguyễn Văn Kiều	11/9/1997	Nam	Đức Cơ, Gia Lai	306 Quang Trung, Đức Cơ, Gia Lai	Cử nhân Y học cổ truyền (10063920230 5000036; Bác sĩ y học cổ truyền: YHN0047)	Miễn thi			Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
60	Đào Thị Thanh Hằng	13/3/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Thôn 5, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 844)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
61	Nay H' Quynh	24/7/2000	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Thôn Ploi Apa Oi Trông, Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (CA6510)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0039657)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa khám bệnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
62	Nay H' Bào	24/3/2001	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bồn Hoang I, Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0025 90)		Tin học (TTN.TH.0 04879)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
63	Phan Thị Bào Trâm	25/9/1996	Nữ	Chư Puh, Gia Lai	131 Duy Tân, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021406)	Tiếng anh A2 (BSET24203 92)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0893111)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
64	Nguyễn Thị Thu Thủy	15/12/1997	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đường Phan Đình Giót, Thôn 2, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0002163)	Tiếng Trung B1 (0027436)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1294717)		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện y dược cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
65	Phạm Khánh Linh	03/11/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	65 Nguyễn Chí Thanh, Tổ 1, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301754)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C.005005)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
66	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	09 Võ Văn Kiệt, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (10101671)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
67	Trần Thị Hồng Duyên	19/9/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Đội 5, thôn 1, Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010248)	Tiếng anh Bậc 3 (DND.F.000 1083)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.00 12788)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
68	Đỗ Xuân Thảo	06/3/1994	Nữ	An Khê, Gia Lai	664 Quang Trung, phường An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014550	Tiếng Anh Bậc 3 0024957	Tin học B 0387011		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
69	Phạm Thị Thom	20/7/1993	Nữ	Al Bá, Gia Lai	Làng Dơ Nong O', Al Bá, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (0004679)	Tiếng anh A2 (116/QĐ-ĐHYD)	Ứng dụng chính cuộc sống trực tuyến máy tính cơ bản IC3 (7nLh-UG8L)		Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
70	Thái Thị Bích Phượng	08/02/2001	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Tổ 5, KVV6, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000788)	Tiếng trung Bắc 3 HSK3 (H32512092141 ngày cấp: 21/12/2025)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202416251)		Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - dưỡng sinh	Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
71	Đồng Đức Tiến	30/8/2000	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	08 Hoàng Văn Thu, Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000629)	Tiếng anh B1 (740/ĐHBM T-TTNNTH-B1) Và Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số Bahnar (C00070925)	Chứng chỉ tin học (C00189396)		Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
72	Kpă H' Thảo	22/02/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Thôn Plei Tel A, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK 000095)	Miễn thi	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0064819)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
73	Kpă H' Gon	26/10/1997	Nữ	Chư A Thai, Gia Lai	Đường Wừu, tổ DP 1, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000316)	Tiếng anh B1 (387/QĐ-ĐHBM T)	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB.000453)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội- Nhi- Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
74	Nguyễn Thị Kim Anh	03/01/2001	Nữ	Đắk Sắk, Lâm Đồng	Thôn Phương Trạch, Đắk Sắk, Lâm Đồng	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000882)	Tiếng anh bậc 3 (E045267)	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB.000487)		Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
75	Phạm Thái Ngọc	26/3/2002	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	20A Mai Thúc Loan, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D 103349)	Tiếng anh B1 (BC20000293532)	Ứng dụng CNTT cơ bản (HAU4-058912)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
76	Trịnh Thị Quỳnh Dung	15/10/1995	Nữ	Kon Tum, Quảng Ngãi	143 Ngô Quyền, Biển Hồ, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104896)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
77	Nay H' Cheo	21/12/1994	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	42C Nguyễn Huệ, tổ 16, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300597)	Tiếng anh B (A1608077)	Tin học Ứng dụng B (A2033069)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
78	Trần Thị Như Ngọc	06/01/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Tổ 6, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104680)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
79	Dương Nguyễn Khánh Hà	03/3/1997	Nữ	Pleiku, Gia Lai	7/1 Bùi Dư, phường Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược DS00562	Tiếng Anh Bậc 2 E001145	Ứng dụng CNTT cơ bản 017666		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
80	Lương Thị Thúy	10/3/1992	Nữ	Kbang, Gia Lai	09 Lê Lợi, thôn 6, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100 945)		Tin học văn phòng B (8148/2011/ CN-TT		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
81	Dương Thị Thanh Hoài	26/3/2001	Nữ	Đắk Hà, Quảng Ngãi	07 Nguyễn Trãi, Đắk Hà, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (0000030)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
82	Nguyễn Thị Mai	13/6/1995	Nữ	Pleiku, Gia Lai	151/49 Phan Đình Giót, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003220)	Tiếng anh B1 (0014166)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0652199)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
83	Lê Thị Thùy Dung	13/5/1998	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	525 Lê Đại Hành, tổ 2, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100 346)		Chứng chỉ tin học (Microsoft office Specialist: P, W, E)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
84	Lê Quỳnh Mỹ Trang	10/8/1993	Nữ	Biển Hồ, Gia Lai	30 Tân Đà, Biển Hồ, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501767)		Tin học Ứng dụng B (0003846)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
85	Ksor H' Ky	30/9/1999	Nữ	la Pa, Gia Lai	Bôn Chơ Ma, la Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0006 41)	Tiếng Anh B1 (98/GXN-EDUVIET, ngày cấp 31/12/2024)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0020952 1)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
86	Lê Thị Cẩm Nhung	03/01/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	14 Nguyễn Chí Thanh, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302574)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N007271)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
87	Nguyễn Thị Thu Hồng	13/10/1998	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Thôn Nghĩa An 2, Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS.2025/101. 1571)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
88	Lê Vương Diệu Linh	12/5/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	90 Khuất Duy Tiến, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00055 1)	Tiếng Anh B1 (676/ĐHBM T-TTNNTH-B1)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0020955 3)		Không	Không	Phòng khám đa khoa cơ sở 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Phòng khám bệnh nghề nghiệp cơ sở 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
89	Nguyễn Thị Phương Thanh	02/01/1996	Nữ	la Pa, Gia Lai	Thôn Blôm, la Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (020106)	Tiếng anh C (A3275665)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0797608)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế la Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
90	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/12/1986	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	16 Tô Vĩnh Diện, Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 002205 Chuyên khoa I 0050474	Tiếng Anh B A1431203	Tin học B A1991189		Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
91	Siu Thâm	21/3/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Thôn Tốt Bioch, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0003 50)	Tiếng anh A2 (058901)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532024 03986)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm – Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
92	Phạm Thị Thảo Hoa	01/12/1994	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	36/30 Nguyễn Văn Cừ, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300621)		Tin học ứng dụng A (A1037597)		Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
93	Bùi Thị Tú Uyên	15/6/1995	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Nhà công vụ C5 (Quân đoàn 34), Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D.0000449)	Tiếng anh Bậc 3 (03143)	Tin học B (A.1642980)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
94	Mai Hoàng Anh	12/9/1998	Nam	Mang Yang, Gia Lai	92 Lê Quý Đôn, Mang Yang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502064)	Tiếng anh B1 VSTEP (25CAV0326)	Tin học Mô đun: IU7, IU8, IU9 (0033605)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
95	Lê Thị Hằng	12/8/1998	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Thôn Ninh Hòa, Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301007)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
96	Rah Lan H' Diê	08/5/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	219 Hùng Vương, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0000 54)	Tiếng anh B1 (E023122)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532023 07742)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm – Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Trùng NV1			Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
97	Nguyễn Lan Chi	06/8/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Làng Nót, Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002816)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
98	Ngân Văn Thùy	13/4/1988	Nam	Kông Chro, Gia Lai	22 Nguyễn Thị Minh Khai, thôn 2 Kông Chro, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (023718)	Tiếng anh B (A2852022)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0263199)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế Kông Chro	Trung tâm Y tế Kông Chro	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
99	Trần Đức Tín	17/5/1993	Nam	Pleiku, Gia Lai	36 Âu Cơ, Thắng Lợi Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005062)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
100	Nguyễn Khánh Vy	14/5/1998	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	66 Trần Nhật Duật, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0001 79)	Tiếng anh B1 (150/ĐHBM T-TTNNTH-B1)	Ứng dụng CNTT cơ bản (025468)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
101	Đỗ Thị Thúy	18/4/1993	Nữ	Kbang, Gia Lai	Thôn 6, Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 034542				Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Phòng KHTC	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
102	Trần Thị Diệu Ái	25/4/1998	Nữ	Ia Rsai, Gia Lai	Buôn Ka Tô, Ia Rsai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002.812)	Chuẩn đầu ra Tiếng anh (24/Đ02NN-0001)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0985142)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
103	Lê Thị Hoa	29/7/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Thôn Hốp Thằng, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301381)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
104	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/02/2000	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	88 Trần Phú, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03810)		Ứng dụng CNTT cơ bản (030564)		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
105	Hoàng Thị Ngọc Mai	02/01/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Tổ dân phố 5, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK 000022)	Miễn thi	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0 058879)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh - LCK	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
106	Nguyễn Thị Hồng Nhi	25/4/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	137A Đinh Tiên Hoàng, Tổ 2, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102 268)	Tiếng anh Bậc 3 (E023849)			Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
107	Trần Minh Huyền	20/9/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	79 Vũu, Tổ 2, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10202 940)	Tiếng anh Bậc 4 (E024123)			Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
108	Lê Thị Phương Linh	12/02/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Thôn Tân Định, An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002856)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
109	Trịnh Thị Thu Trinh	20/6/2000	Nữ	Ia Hrug, Gia Lai	Trung tâm Y tế Ia Pa, thôn Blôm, Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (QH362022001 91)	Tiếng anh B1.2 (QH5720220 1083)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532025 09313)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
110	Nguyễn Văn Hải	07/11/1991	Nam	Chư Sê, Gia Lai	513 Hùng Vương, thôn Mỹ Thạch 3, xã Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000407)				Không	Không	Khoa xét nghiệm - CDHA	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
111	Võ Nguyễn Thiện Lam	15/10/1993	Nam	Chư Sê, Gia Lai	68A Quang Trung, xã Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000542)				Không	Không	Khoa Khám bệnh - LCK	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
112	Lê Diễm Thiên Thương	19/5/1994	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	151 Thống Nhất, Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 030809	Tiếng Anh B A964258	Tin học ứng dụng A1708659		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
113	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/12/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	169 Ngõ Quyền, phường Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C00000873	Tiếng Anh B1 0021293	Ứng dụng CNTT cơ bản 0988128		Không	Không	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
114	Nguyễn Văn Hiệp	21/02/2001	Nam	An Bình, Gia Lai	1905 Quang Trung, tổ 2, An Bình, Gia Lai	Bác sĩ YHDP (DHH.6.L.000 0009)	Tiếng anh B1 (23.B1.00498 5)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0024555 4))		Không	Không	Khoa KSBT-HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa KSBT-HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Đak Pơ	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
115	Siu H' Lôm	23/9/1997	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bôn Thăm, Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK0016 00)	Tiếng anh Bậc 3 (2022.B1018 3)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH00 1395)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Truyền Nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
116	Nguyễn Xuân Hưng	13/3/1993	Nam	Ia Phí, Gia Lai	Thôn 1, Ia Phí, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00072 0)	Tiếng anh B (A855658)	Ứng dụng CNTT cơ bản (012665)		Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
117	Trần Sĩ Khoa	03/12/1996	Nam	Chư Pưh, Gia Lai	Thôn Hòa Thuận, Chư Pưh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS0023 84)				Không	Không	Khoa PHCN	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
118	Nguyễn Lê Uyên Nhi	10/02/2001	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	113 Hùng Vương, Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302571)	Tiếng anh A2 (BSET24198 95)	Công nghệ thông tin nâng cao (N009598)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
119	Nguyễn Thị Tường Vy	15/3/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Thôn 3, Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 420))		Tin học văn phòng cơ bản (wM447-HahF IIG Việt Nam)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
120	Hồ Minh Tâm	03/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	44 Lê Lợi, thôn 6, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU000217)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
121	Nguyễn Thị Hương	11/8/1994	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	177 Lê Đại Hành, tổ 3, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (025344)		Ứng dụng CNTT nâng cao (0054736)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
122	Phạm Trần Kim Tuyền	29/9/2002	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Thôn PleiMil, Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000320)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
123	Y Nhân	23/7/1992	Nữ	Dục Nông, Quảng Ngãi	Thôn Nông Nội, Dục Nông, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (D0001128)	Tiếng anh C (A2247398)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1294593)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
124	Nguyễn Thị Kim Tuyền	02/8/1980	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	667A Hùng Vương, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa B574672				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
125	Phạm Thị Lý	05/01/1996	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	353/22 Trường Chinh, Tổ 1, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (017497)	Tiếng anh B1 (50/QĐ-ĐHTD)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0018944 6)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
126	Lê Thị Thu Hiền	04/8/1997	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	414 Nguyễn Huệ, thôn 10, Đak Đoa, Gia Lai	Thạc sĩ Đại học ngành Dược (7300031) Thạc sĩ ngành Dược (YDS.Ths.002 173)	Tiếng anh Bậc 3 (C005155)	Ứng dụng CNTT nâng cao (N0000251)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
127	Nguyễn Thị Tú Phương	25/5/1998	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	16/10 Quyết Tiến, tổ 5, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301140)	Tiếng anh B1 (004290)	Tin học B (N000731)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
128	Lương Phương Chi	29/9/2000	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	25 Phạm Ngũ Lão, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D000678)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
129	Bùi Thức Nghĩa	12/5/1999	Nam	Ea Tul, Gia Lai	Số 152, thôn Đăk Hà Đông, Ea Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03497)				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
130	Nguyễn Viễn Dương	07/6/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Thôn 1, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DHL0502561)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
131	Nguyễn Thị Kim Hoa	30/10/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	43/7 Nguyễn Văn Trỗi, Kom Tum, Quảng Ngãi	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0001065)	Tiếng trung B1 (0019281)	Ứng dụng CNTT cơ bản (148/2019)		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
132	Nguyễn Thị Thu Hoài	01/9/1992	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	209 Lý Thái Tổ, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (008878)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
133	Nay H' Sra	12/10/1994	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Ploi Apa Ama H'lăk, Ia Tul, Gia Lai	Đại học ngành Dược (023863)	Tiếng anh bậc 3 (001133)	Tin học ứng dụng B (B0112590)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
134	Lê Thanh Sang	04/5/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	49 Nguyễn Viết Xuân, Hội Phú, Gia lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102 263)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
135	Võ Sỹ Đông	19/02/1981	Nam	Chư Pưh, Gia Lai	34 Anh Hùng Núp, Thôn Hòa An, Chư Pưh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 010643 Bác sĩ Chuyên khoa I sản phụ khoa 0038334			Không	Không		Khoa Ngoại sản - CSSKSS	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
136	Long Nhieh Huân	17/9/1991	Nữ	la Hnú, Gia Lai	Làng Kueng Xi nghiệp, la Hnú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010993)	Miễn thi			Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
137	Trần Võ Thị Mỹ Linh	07/9/1997	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	460 Lê Đại Hành, tổ 2, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300225)			Không	Không		Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
138	Nguyễn Thị Huyền	30/9/1992	Nữ	la Hrun, Gia Lai	Tân An, la Hrun, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501275)			Không	Không		Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
139	Phạm Nguyễn Hoàng Hoa	28/01/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	98 Lý Thái Tổ, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.0009 87)			Không	Không		Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
140	Mai Đức Phúc	02/4/1994	Nam	la Hrun, Gia Lai	Thôn Lập Thành, la Hrun, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014614)	Tiếng anh B1 (45401)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0126871)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
141	Phan Ngọc Yển	14/11/1994	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	Làng Ktòh, Kông Chro, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014596)	Tiếng anh C (A3259793)	Ứng dụng CNTT nâng cao (0016831)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
142	Ksor H' Kinh	11/8/1995	Nữ	la Tul, Gia Lai	Bôn Biah B, la Tul, Gia Lai	Đại học ngành Dược (017371)	Tiếng anh A2 (CCTA-CQ-18-K08-237)	Tin học B (A2039036)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế la Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
143	Đỗ Thị Kim Oanh	08/12/1997	Nữ	la Bắg, Gia Lai	Thôn 5, la Bắg, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0001 74)	Tiếng anh B1 (184/ĐHBM T-TTNNTH-B1)			Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
144	Cà Thảo Băng Nhi	11/02/1997	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	42C Nguyễn Huệ, tổ 16, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001527)	Tiếng anh B (A3193895)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0084115)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế la Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
145	Nguyễn Anh Tuấn	10/02/1998	Nam	la Bắg, Gia Lai	Thôn 5, la Bắg, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0001 77)	Tiếng anh B1 (205/ĐHBM T-TTNNTH-B1)			Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
146	Vũ Thị Kim Ngân	29/4/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	158 Tôn Thất Thuyết, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000299	Tiếng Anh B1 546/6/PH20A/A			Không	Không	phòng Dược lý -Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
147	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	132/3 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0007 82)	Tiếng anh B1 (651/ĐHBM T-TTNNTH-B1)			Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
148	Phạm Thị Minh Phương	27/12/1996	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	243 Nguyễn Huệ, Thôn 9, Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10201 207)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
149	Nguyễn Trần Ngọc Hương	20/9/1999	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	378 Hùng Vương, Tổ dân pjoos 2, Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000407)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
150	Trần Thị Bích Thư	30/4/2001	Nữ	Chư Krey, Gia Lai	Làng Brach Siêu, Chư Krey, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DH02606)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
151	Tô Thị Hoàng Phúc	08/10/1997	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	151 Cao Bá Quát, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100 461)				Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng kiểm nghiệm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
152	Thái Hoàng Lộc	10/7/2001	Nam	Diên Hồng, Gia Lai	394 Trần Phú, tổ 5, Diên Hồng, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201229)	Tiếng anh Bậc 4 (10104)	Microsoft office Specialist (JuMe-4ww9)		Không	Không	Khoa Ngoại - Sản	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Phòng khám bệnh nghề nghiệp - cơ sở 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
153	Vì Thị Tảo	12/12/1997	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Thôn D Lâm, Chư A Thai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0000359)	Tiếng anh B1 (HUFL.19.B 1.008441)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0002008 4)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
154	Nguyễn Hà Diệu Nhi	07/5/2001	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	101 Huỳnh Thúc Kháng, tổ 1, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302567)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C008963)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
155	Lưu Ngọc Ánh	25/10/2000	Nữ	An Phú, Gia Lai	74 Võ Văn Tần, An Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002916)				Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
156	Nguyễn Mạnh Tú	09/09/2000	Nam	Hòa Hiệp, Đăk Lăk	Khu phố Phước Lâm, Hòa Hiệp, Đăk Lăk	Bác sĩ Y khoa (7201000)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.008712)		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
157	Nguyễn Thị Mai Anh	01/12/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	215 Ngô Mây, thôn 5, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.00025 6	Tiếng Anh A2 BSET242112 3	Ứng dụng CNTT cơ bản 0130710		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
158	Nguyễn Trịnh Thủy Linh	22/5/2001	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	57 Hùng Vương, Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS0002 32)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C0020955 1)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
159	Dương Xuân Hà	13/11/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Phú Cường, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0028 77)				Không	Không	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
160	Trương Ngọc Phương Uyên	20/12/1998	Nữ	Pleiku, Gia Lai	29a, Ngõ Gia Khâm, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301239)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
161	Hồ Thị Ngân	10/6/1991	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	54 Hùng Vương, Tổ dân phố 3, Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 920)		Tin học A (A244132)		Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
162	Hà Thu Uyên	17/4/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	24 Võ Thị Sáu, Tổ 17, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (000377)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
163	Nguyễn Minh Khanh	27/10/2000	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	188D Phạm Văn Đồng, tổ 4, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001338)	Tiếng anh B1 (0028073)	Ứng dụng CNTT nâng cao (012359)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
164	Lê Kỳ Duyên	06/02/1998	Nữ	la Hung, Gia Lai	437 Trường Sơn, la Hung, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100 354)		Chứng chỉ Microsoft - office - Worf (CCSA-DwB9; Excel wNwxn-22x8)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
165	Hoàng Văn Nam	11/8/1976	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Thôn Hợp Thắng, Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (032664) và CK cấp I CĐHA (0075043)	Tiếng anh B (A969884)	Tin học B (A1023848)		Không	Không	Trạm Y tế Ia Boong	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế Chư Prông cơ sở 2	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
166	Ksor H' Li Lan	25/10/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	27 Lê Đình Chinh, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001340)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
167	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	27/7/2000	Nữ	Ia Lâu, Gia Lai	Thôn 6, Ia Lâu, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS0018 00)	Tiếng anh B1 (ĐHVID0000 2163)			Không	Không	Trạm Y tế xã Ia Lâu	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phục hồi chức năng	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
168	Rơ Ô Buih	22/01/1994	Nam	la Dreh, Gia Lai	Buôn Kơ Jing, la Dreh, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDC.DS.0013 28	Miễn thi			Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
169	Nguyễn Thị Nữ	10/4/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Bang Ngol, la Bang, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302548)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
170	Dương Tiến Công	14/10/1998	Nam	Pờ Tỏ, Gia Lai	552/14 Lê Duẩn, Ea Kao, Đăk Lăk	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0001 87)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
171	Phan Việt Hưng	25/3/1994	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	35 Lê Văn Sỹ, Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (00750)		Ứng dụng CNTT cơ bản (000497)		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm – Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
172	Nguyễn Minh Hải	09/4/2001	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	09/2 Đinh Công Tráng, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (00677)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
173	Đào Bảo Ngọc	15/10/1999	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	39/07 Võ Thị Sáu, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302209)	Tiếng anh bậc 3 (E100645)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0016948 0)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
174	Huỳnh Thu Trang	05/11/1999	Nữ	Kong Gang, Gia Lai	Đội 2, thôn 5, Kong Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100 990)	Tiếng anh Bậc 4 (E0141266)	Ứng dụng CNTT cơ bản (007075DN T)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
175	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/02/2000	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Xóm Nam, thôn Thủ Thiện Hạ, Tây Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (PNTU.BS/002 403)	Tiếng Anh bậc 4 (E01387)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532024 03432)		Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
176	Lê Thị Ngọc Ánh	01/5/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	211 Quang Trung, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10200 585)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0488299)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
177	Đỗ Thị Thanh	26/6/2000	Nữ	Ea Knuéc, Đăk Lăk	Tân Đức, Ea Knuéc, Đăk Lăk	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK0023 33)	Tiếng Anh bậc 3 (E007089)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 04063)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
178	Đặng Võ Bảo Tiên	08/02/1997	Nữ	An Khê, Gia Lai	506 Quang Trung, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D 0001011)	Tiếng Anh bậc 3 (04400)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A 2186614)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
179	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	10/10/1995	Nữ	An Bình, Gia Lai	1541 Quang Trung, An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược 025427	Tiếng Anh Bậc 2 BSET251599 2	Ứng dụng CNTT cơ bản 0127109		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
180	Võ Tấn Nghĩa	10/7/1997	Nam	Phú Túc, Gia Lai	Thôn Phú Long, xã Tuy An Nam, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược (DL05202517)	Tiếng Anh trình độ B (DLH000823)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DLH12031 52)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
181	Võ Hoàng Khánh	24/3/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	59 Trần Bình Trọng, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (VTUUDM000 03504)	Tiếng Anh bậc 3 (0028976)	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001244)		Không	Không	Khoa Bệnh nghề nghiệp - Cơ sở 1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Kiểm dịch y tế quốc tế - Cơ sở 1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
182	Nguyễn Thị Trang	04/8/1996	Nữ	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Xuân Vinh, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0003078)	Tiếng Anh B1 (0033235)	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001487)		Người dân tộc thiểu số	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
183	Nguyễn Uyên My	01/4/2002	Nữ	Bình An, Gia Lai	Thôn Kiên Ngãi, Bình An, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 632)	Tiếng Anh bậc 4 (E039843)	Tin học quốc tế MOS (052302000 285)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
184	Phạm Minh Thư	20/02/2000	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Xóm 4, thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0006 22)	Tiếng Anh B1 (772/ĐHBM T-TTNTH-B1))	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB.000639)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
185	Lâm Trí Dũng	03/8/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	121B Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (QH113202400 022)	Tiếng Anh bậc 4 (E013047)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532025 12092)		Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
186	Nguyễn Thái Thị Mỹ Yến	06/3/1994	Nữ	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Tổ 2, khu phố Thanh Long, Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 257)	Tiếng Anh trình độ B (A.1534207)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A.1327923)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
187	Ksor Lin	28/8/2000	Nam	Phú Túc, Gia Lai	9G Tầng Bạt Hồ, phường Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK 002816)	Tiếng Anh bậc 3 (E033811)	Ứng dụng CNTT cơ bản (018817)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
188	Hồ Thị Hải Yến	12/3/1999	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Xóm 17, thôn Nho Lâm, Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301828)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
189	Nguyễn Hoàng Ái Vi	30/8/2000	Nữ	An Lão, Gia Lai	Thôn Hưng Nhơn Bắc, An Lão, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200907)	Tiếng Anh VSTEP B1 (QNU/CC-TA/0000345)	Ứng dụng CNTT nâng cao (N.010484)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
190	Lê Thị Ngọc Thắm	03/4/2002	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Xóm Lộc Hậu, thôn Vĩnh Long, Hòa Hội, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU 000342)				Con thương binh	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
191	Trần Thị Trà My	04/5/1997	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	Phước Bình, Ân Hảo, Gia Lai	Đại học ngành Dược (003900)	Tiếng Anh A2 (022791)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532022 15916)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
192	Phạm Thanh Thủy	10/12/1996	Nữ	Xuân Thọ, Đắk Lắk	Khu phố Bình Thạnh, phường Xuân Đài, Đắk Lắk	Đại học ngành Dược (DLH 0501560)	Tiếng Anh trình độ B (A2764165)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0870228)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
193	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/02/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	Thôn 10, Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0002136)	Tiếng Trung B1 (0027421)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0003495 8)		Không	Không	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
194	Trương Thị Trà My	13/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	02A Lê Lợi, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000049)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
195	Võ Thị Kim Khuê	18/3/2001	Nữ	Đề Gi, Gia Lai	Số 12 đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6L.0000 018)	Tiếng Anh B1 (24B1.00125 6)	Ứng dụng CNTT cơ bản (021437)		Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
196	Lê Văn Sang	01/8/1995	Nam	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Đội 10, Tư Cung, Tuy Phước Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0007209)				Không	Thu hút	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
197	Đoàn Lê Phi Sơn	29/11/1995	Nam	An Nhơn Tây, Gia Lai	Nam Tượng 2, An Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10205 194)	Tiếng Anh trình độ C (A2690449)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1101419)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
198	Đinh Thị Hương	22/11/2000	Nữ	Canh Liên, Gia Lai	Làng Kà Bông, Canh Liên, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6L.0000 037)	Tiếng Anh B1 (E21780)	Ứng dụng CNTT cơ bản (022483)		Người dân tộc thiểu số	Thu hút	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Văn Canh	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
199	Biện Tấn Hoàng Thắng	26/10/1986	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Kho xi Măng Duy Linh, xóm Ngọc Sơn 2, thôn Ngọc Thanh 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0000170)	Tiếng Anh B1 (0014458)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1294163)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
200	Hồ Thị Thanh Giao	11/10/2002	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Thôn H'Lil2, Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000309	Tiếng Anh Toeic 515 ngày cấp: 26/12/2025	Ứng dụng CNTT cơ bản C00230641		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
201	Lê Thị Phương	22/8/1998	Nữ	Quy Nhơn, Gia Lai	Huỳnh Văn Nhơn, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS01727)	Tiếng Anh B1 (E005312)	Tin học (WNLFr-22xh; WMCMx-Hahh; C4UV-XVHn)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
202	Trần Tuấn Anh	24/02/2001	Nam	Pleiku, Gia Lai	28B Bùi Dự, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.001379)	Tiếng Anh bậc 3 (E023662)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202403897)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
203	Nguyễn Quốc Đạt	26/12/1997	Nam	Đề Gi, Gia Lai	Xóm Lạc Thiện, thôn Gia Lạc, Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0142064)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.0039160)		Không	Không	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền Nhiễm	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
204	Phan Thị Ngọc Trinh	22/11/1997	Nữ	Dray Bhăng, Đắk Lắk	Thôn 6, Dray Bhăng, Đắk Lắk	Đại học ngành Dược (DU000243)	Tiếng Anh trình độ C (A2487813)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0656651)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đắk Đoa	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
205	Trương Quang Minh	30/8/2000	Nam	Vinh Quang, Gia Lai	Định Quang, Vinh Quang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV BS001843)	Tiếng Anh bậc 3 (ĐHV/D00001959)	Ứng dụng CNTT cơ bản (001514)		Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
206	Cao Tấn Vũ	21/9/1996	Nam	Tây Ninh Hòa, Khánh Hòa	92/6 Trần Thị Kỳ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.001019)	Tiếng Anh TOEIC 595 điểm (321/YDBM T-NN-TOEIC) ngày cấp: 26/7/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (016993)		Không	Không	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại, Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
207	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22/4/2002	Nữ	Vân Canh, Gia Lai	29 Ngõ Mây, thôn Thịnh Văn I, Vân Canh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502649)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DLH1202745)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
208	Võ Nguyễn Đan Phương	12/7/2001	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	Khu phố An Lạc Đông 2, Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt (DHH.6.K0000111)	Chứng nhận Tiếng Anh bậc 3/6 trường Đại học Ngoại ngữ Đại học Huế (số vào sổ 21.B1.005098)	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001421)		Không	Thu hút	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
209	Nguyễn Quỳnh Như	11/6/1996	Nữ	Hoài Ân, Gia Lai	27 Trường Chinh, Hoài Ân, Gia Lai	Đại học ngành Dược(020760)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0798900)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
210	Châu Lê Quyền	13/4/2000	Nữ	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đội 1, Thôn Đại Sơn, Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002886)	Tiếng Anh B1 (E020896)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532023 59939)		Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y học dự phòng				Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
211	Rmah HaLi	16/3/2001	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	482 Ngõ Quyền, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0028 58	Tiếng Anh B1 E032915	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH00 3157		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
212	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/11/1997	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	357/1 Quang Trung, thôn Trà Quang Nam, Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0003036)	Tiếng Anh VSTEP bậc 3 (03288)	Ứng dụng CNTT cơ bản (009016)		Con thương binh	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
213	Lưu Mỹ Linh	19/12/1997	Nữ	An Nhơn Đông, Gia Lai	05 Nguyễn Trọng Tri, phường Bình Định, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00014 1)	Tiếng Anh Bậc 4 (E6 000246)	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB. 000031)		Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
214	Nguyễn Trung An	02/9/1989	Nam	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Quán Cafe Mabio, khu phố 22, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS 002355)	Tiếng Anh trình độ B (B 374203)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TH011351)		Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
215	Lưu Mỹ Loan	31/10/2001	Nữ	Tam Giang, Đắk Lắk	05 Nguyễn Trọng Tri, phường Bình Định, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMT.B.00084 3)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0020166)		Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
216	Võ Xuân Nhẫn	23/5/1999	Nam	Bình Khê, Gia Lai	Xóm 3B, thôn Thượng Giang 1, Bình Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK 001880)	Tiếng Anh bậc 3 (E6001470)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH 003855)		Không	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
217	Trần Thị Kiều Diễm	01/8/1992	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Khối Phú Văn, Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005236)	Tiếng Anh trình độ B (A742701)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A868614)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
218	Trần Thị Hằng	17/5/1996	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Thôn Hiệp Long, Hội Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH 0502396)	Tiếng Anh trình độ B (A1746235)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A1901004)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
219	Nguyễn Bảo Kha	08/6/2000	Nam	An Nhơn, Gia Lai	962 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (020263)	Tiếng Anh bậc 4 (07117)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0013725)		Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
220	Nguyễn Nguyễn Giáp	12/5/1996	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Thượng Giang, Bình Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000516)	Tiếng Anh bậc 3 (02015)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1294615)		Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
221	Thái Thị Ngọc Trinh	23/02/1996	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	65 Hà Huy Tập, Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (030478)		Tin học Ứng dụng trình độ A (A2473997)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
222	Ksor Y Linh	14/8/2000	Nữ	la Phí, Gia Lai	Làng Mông yố 1, la Phí, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001291				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
223	Nguyễn Thị Kim Hoàn	15/7/2000	Nữ	la Krái, Gia Lai	Thôn 3, la Krái, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 300007	Tiếng Anh Bậc 3 TVU.TA.002744	Ứng dụng CNTT cơ bản QH53202342170		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế la Grai	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
224	Vũ Thị Hồng Thúy	09/10/1993	Nữ	Krong, Gia Lai	70 Lê Lợi, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0020354)	Tiếng anh CEER cấp độ B1 (BSET 2421130) ngày cấp: 06/12/2024	Tin học Ứng dụng trình độ A (1156081)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
225	Nguyễn Thị Hoàng Trúc	14/4/1988	Nữ	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	81 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (004943)	Tiếng Anh trình độ B (B 345118)	Tin học Ứng dụng trình độ B (B160260)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
226	Phạm Phúc Hưng	14/10/1995	Nam	An Khê, Gia Lai	66 Hoàng Văn Thụ, Tổ 3 Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000512)	Tiếng Anh trình độ B (A 2091080)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A 2256760)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
227	Nguyễn Trọng Nghĩa	10/02/2000	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	01 Phan Huy Ích, Tây Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN_YK002296)	Tiếng Anh bậc 3 (Số vào sổ 2024.B1.0108)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.003623)		Không	Thu hút	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
228	Lê Thị Hồng Thắm	06/01/2001	Nữ	An Bình, Gia Lai	Tổ dân phố An Sơn, An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002753)	Tiếng Anh bậc 3 (E020287)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.005204)		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại - sản	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
229	Nguyễn Thị Thủy	17/6/2000	Nữ	An Bình, Gia Lai	Tổ 7, An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002360)	Tiếng Anh bậc 3 (TTN.E.00067)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.003112)		Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
230	Nguyễn Thị Xuân Nở	10/8/1989	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	Thôn Long Mỹ, Ân Hảo, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10202126)	Tiếng Anh trình độ B (A3125975)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0104036)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
231	Đặng Đức Tài	03/9/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	122 Trần Quang Diệu, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010126)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
232	Phạm Thị Hồng Loan	13/7/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Số 21 đường Giải Phóng, Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002680)	Tiếng Anh bậc 3 (0022707)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.005288)		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
233	Lê Hải Hà	24/5/1999	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Tổ 6, khu phố 6, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200406)	Tiếng Anh bậc 4 (E023470)	Tin học Mos (P3CV-nGo6; Wenm5-4SHS; H6p8-4TYH)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
234	Đình Quốc Trung	20/01/2000	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	818 Phạm Văn Đồng, Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK000253	Tiếng Anh Bậc 3 CC019326	Ứng dụng CNTT cơ bản HAU4-046806		Không	Không	Khoa Liên chuyên khoa	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
235	Bùi Anh Khoa	04/6/1996	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Xóm 2, thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021366)		Ứng dụng CNTT cơ bản (1165772)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
236	Nguyễn Thị Thanh Kiều	25/02/2000	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Định Thiện Tây, Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (QH36202200171)	Tiếng Anh bậc 4 (0017101)			Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
237	Lê Thị Hiền	28/3/1988	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	107 Phan Bội Châu, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (030725)	Tiếng Anh trình độ B (0177021)	Tin học Ứng dụng trình độ B (0354691)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược		Trùng NV1		Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
238	Huỳnh Thị Định	14/6/1987	Nữ	Hoài Nhơn, Gia Lai	1453 Võ Nguyên Giáp, Lâm Trúc 2, Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000373)	Tiếng Anh bậc 3 (0001525)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0836421)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
239	Trần Huỳnh Thanh Nhật	19/7/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Đội 4, thôn Luật Lễ, Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002718)		Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 05184)		Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
240	Nguyễn Thị Yến Nhi	26/4/2000	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	427/1 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002825)	Tiếng Anh bậc 3 (E041530)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 05329)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
241	Đình Văn Can	03/7/1995	Nam	An Vinh, Gia Lai	Thôn 5, An Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003275)	Tiếng Anh trình độ B (A2533223)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0986614)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
242	Lê Thị Kim Ngọc	01/9/1998	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	148 Trần Đại Nghĩa, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301386)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
243	Đình Thị Thanh Hương	29/9/1994	Nữ	An Lão, Gia Lai	Thôn 4, An Lão, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003037)	Tiếng Anh trình độ B (A1740324)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0349859)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
244	Huỳnh Phú Thịnh	16/7/2000	Nam	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Xóm 28, thôn Giang Bắc, Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.183144)	Tiếng Anh bậc 3 (DND.F.0004024)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.0066278)		Không	Thu hút	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
245	Trương Công Đô	13/10/2001	Nam	Mang Yang, Gia Lai	123 Lê Quý Đôn, Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 7201122	Tiếng Anh Bậc 4 DND.F.0006953	Tin học MOS W-E-PP		Không	Không	Khoa Ngoại – Sản - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chăm sóc SKSS	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
246	Lương Bảo Toàn	05/5/1995	Nam	Hòa Hội, Gia Lai	Trung tâm Y tế Phù Mỹ, Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (VTUUDM000 03802)	Tiếng Anh bậc 3 (C030508)	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001501)		Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại, Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Răng hàm mặt - Mắt - Tai Mũi họng	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
247	Nguyễn Lan Trinh	05/7/2000	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Phan Huy Chú, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302329)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C008495)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
248	Phạm Hồng Ngọc	14/9/2000	Nữ	Ia Rсай, Gia Lai	Thôn Mới, Ia Rсай, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00055 8)	Chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 (Đại học Y - Dược Buôn Ma Thuột 235/QĐ-YDBMT)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0020233)		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
249	Đỗ Thị Mỹ Duyên	20/4/1999	Nữ	An Khê, Gia Lai	188 Trần Văn Thiều, tổ 3 An Phước, An Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00039 9)	Chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 (Đại học Y - Dược Buôn Ma Thuột 490/ĐHBMT-TTNTH-B1)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0015044 2)		Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Pơ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
250	Nguyễn Thị Cẩm Vân	28/9/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Xóm Đông, Trung Tín 1, Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6.L.000 0015)	Tiếng anh Bậc 3 (E20681)	Ứng dụng CNTT cơ bản (021517)		Không	Thu hút	Trạm Y tế phường Bình Định	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
251	Phan Vũ Hương Quỳnh	01/01/2000	Nữ	An Lão, Gia Lai	03-04 Vũ Ngọc Nha, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0006 79)	Tiếng Anh bậc 3 (0024875)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532023 59245)		Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
252	Nguyễn Trúc Phương	26/8/1999	Nữ	Bình Hiệp, Gia Lai	Xóm Tây, thôn Thuận Hòa, Bình Hiệp, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0004 66)	Tiếng Anh bậc 3 (E007032)	Ứng dụng CNTT cơ bản (QH532024 3655)		Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
253	Võ Thị Thu	12/8/1995	Nữ	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Đội 3, thôn Quang Nghiễm, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa (DH DM00001165; CKI 0077327)	Tiếng Anh bậc 3 (E005303)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0006671)		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
254	Trần Thị Phong Phú	13/02/2000	Nữ	Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi	323 Trần Hưng Đạo, Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (DND.6.01711 29)	Tiếng Anh bậc 3 (2078/QĐ-ĐHNN)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.00 54650)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
255	Đỗ Phạm Hoài Ninh	01/11/1999	Nam	Hoài Nhơn Nam, Gia Lai	306/29/18 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (10661920230 5000008; Văn bằng đào tạo bổ sung B.04486)	Tốt nghiệp Đại học Zunyí - Trung Quốc	Ứng dụng CNTT cơ bản (0020974)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Bệnh nghề nghiệp - Cơ sở 1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
256	H Đok Đỉnh Đại	26/3/1998	Nam	Mang Yang, Gia Lai	38 Nguyễn Văn Linh, TDP 2, Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0028 66	Tiếng Anh Bậc 3 UEF.005017	Ứng dụng CNTT cơ bản TNT.TH00 3157		Không	Không	Khoa Ngoại – Sản - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Đăk Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
257	Trần Thị Hồng Hiếu	17/12/1995	Nữ	An Bình, Gia Lai	1870 Quang Trung, tổ 3, An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10105 101)	Tiếng Anh trình độ B (A1404941)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0472784)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
258	Lưu Thị Soan	19/4/2001	Nữ	Bình Khê, Gia Lai	Xóm 2, thôn Thượng Giang 1, Bình Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0027 42)	Tiếng Anh bậc 3 (E017420)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 04429)		Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
259	Nguyễn Thị Trà My	02/02/2001	Nữ	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Xóm 5, thôn Mỹ Lợi, Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (TVU700237)	Tiếng Anh B1 (0077887)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TVU.TC.0 13153)		Không	Thu hút	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Văn Canh	Bác sĩ Y học dự phòng				Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
260	Đoàn Thị Ngọc Mai	20/9/1995	Nữ	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Tổ 1, khu phố Hy Văn, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DUD 000050)	Tiếng Anh trình độ B (A.1507912)	Tin học trình độ B (A.2083175)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
261	Phan Thị Thảo My	29/3/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Tổ dân phố Tân Bình, An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00041 6)	Tiếng Anh bậc 3 (E6000522)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0018938 9)		Không	Không	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Phòng khám bệnh nghề nghiệp - cơ sở 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
262	Lương Gia Huy	12/11/2000	Nam	An Lương, Gia Lai	TTYT Phù Mỹ, Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0024 76)	Tiếng Anh VSTEP bậc 4 (TTN.E.0010 2)	Ứng dụng CNTT cơ bản (015620)		Không	Thu hút	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
263	Hà Thị Trúc Vi	13/10/2001	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	07 Hai Bà Trưng, thôn An Kim, Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302626)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.009105)		Không	Không	Khoa Dược- TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
264	Vũ Trương Long Thành	01/01/2001	Nam	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	34 Văn Tiến Dũng, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201148)	Tiếng Anh VSTEP bậc 3 (A000924)	Ứng dụng CNTT (N.009026)		Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
265	Lê Văn Tinh	22/7/2000	Nam	An Lương, Gia Lai	Thôn Hiệp An, An Lương, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (020284)	Tiếng Anh VSTEP bậc 3 (E6001020)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.00 68046)		Không	Thu hút	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội, Tư vấn và điều trị nghiện chất	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
266	Nguyễn Thị Bích Hoàng	02/12/1997	Nữ	An Bình, Gia Lai	Tổ dân phố Hiệp An, An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300034)	Tiếng Anh trình độ B (A859255)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1040854)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
267	Vũ Đình Hậu	25/11/1999	Nam	H'Ra, Gia Lai	Thôn Phú Yên, H'Ra, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0021 45	Tiếng Anh B1 36/QĐ-TNU- LIC	Ứng dụng CNTT cơ bản TTTN.TH.0 03968		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
268	Nguyễn Lê Trung Thư	28/5/2001	Nam	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	02 Trần Quốc Tảng, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000 078)	Tiếng Anh bậc 3 (E19753)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C 00243833)		Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
269	Nguyễn Thị Mộng Kiều	07/10/1999	Nữ	Cát Tiến, Gia Lai	106 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0022 53)	Tiếng Anh bậc 3 (E012818)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 04247)		Không	Thu hút	Khoa Tim mạch -Nội tiết	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
270	Đặng Xuân Đạt	01/12/1998	Nam	Hội Sơn, Gia Lai	213/24 Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001430)	Tiếng Anh bậc 4 (E6000732)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 01966)		Không	Thu hút	Phòng Kế hoạch- Nghiệp vụ	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
271	Đặng Nguyễn Đức Huy	17/02/1999	Nam	Bình Định, Gia Lai	51 Ngõ Gia Tự, Bình Định, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200437)		Chứng chỉ Tin học (Pow: S93F- XLpk; Excel: QdSr- 4TY8; Word: wXwqs- 4SHC)		Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
272	Nguyễn Thị Ánh Dũng	27/01/2001	Nữ	Quy Nhơn, Gia Lai	99/16 Hai Bà Trưng, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.01830 59)	Tiếng Anh bậc 4 (DND.F.000 5752)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.00 51265)		Con của người hưởng chính sách như thương binh	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
273	Nguyễn Thị Hồng Châu	20/9/2001	Nữ	Đề Gi, Gia Lai	Thôn Ngải An, Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.01831 04)	Tiếng Anh bậc 3 (DND.F.000 4817)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.00 54578)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
274	Nguyễn Thị Mỹ Lam	01/4/2001	Nữ	Hoài Nhơn Nam, Gia Lai	237/05 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK.000020)	Tiếng Anh bậc 3 (09119)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0059331)		Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
275	Nguyễn Thị Chi Linh	10/10/1998	Nữ	An Nhơn Nam, Gia Lai	Xóm Mỹ Trung, thôn Ngọc Thanh, An Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU 000241)	Tiếng Trung HSK3 (H32410055 482) ngày cấp: 19/10/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000937)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
276	Hồ Tường Vi	04/01/1997	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Tổ 1, thôn Hải Đông, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00095 0)	Tiếng Anh Toeic 590 điểm (32/YDBMT-NN-TOEIC) Ngày cấp: 26/4/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (012921)		Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Cơ sở 1	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
277	Nguyễn Gia Bảo	26/6/1997	Nam	Bình Định, Gia Lai	01 Trần Văn On, Bình Định, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.0000 34)	Tiếng Anh bậc 3 (E040022)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0001606)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
278	Phạm Thị Xuân Quỳnh	01/01/2001	Nữ	la Hiao, Gia Lai	Thôn Yên Phú 2, la Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YHN3100431				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã la Hiao	Trung tâm Y tế Phù Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
279	Trần Tường Vy	02/8/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Phòng khám Bs Phạm Xuân Minh, Phong An, Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104 254)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0019987)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
280	Hồ Cát Tường	01/6/1994	Nam	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Tổ 1, thôn Hải Đông, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00075 0)	Tiếng Anh Toeic 720 điểm (31/YDBMT-NN-TOEIC) Ngày cấp: 26/4/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB.000563)		Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Không	Khoa Khám bệnh đa khoa-Cấp cứu	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
281	Nguyễn Duy Hào	26/01/2001	Nam	Cát Tiến, Gia Lai	222 Đào Tấn, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00089 9)	Tiếng Anh Toeic 745 điểm (15/BMT-NN-TOEIC) Ngày cấp: 02/4/2025	Ứng dụng CNTT cơ bản (0021323)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
282	Trần Thị Thi Ý	01/9/1995	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Thôn Hiền Đông, Canh Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300560)	Tiếng Anh trình độ B (A 1508138)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A 2083025)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
283	Nguyễn Duy Hưng	05/9/1992	Nam	Phù Cát, Gia Lai	09 Lê Đức Cường, thôn An Bình, Phù Cát, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS0023 76)	Tiếng Anh trình độ B (A 820634)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A 242496)		Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
284	Nguyễn Ái Vi	08/02/2001	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Xóm 7, thôn Phú Kim, Phù Cát, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.L0000 011)	Tiếng Anh bậc 3 (E036542)	Ứng dụng CNTT cơ bản (021612)		Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
285	Nguyễn Kiều Trinh	20/11/1997	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Thôn Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (TDU.3000129)	Tiếng Anh B1 (B12401755)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0172645)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
286	Lê Thu Hà	29/12/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	25 Nguyễn Trác, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (016076)	Tiếng Anh trình độ B (A2023655)	Ứng dụng CNTT nâng cao (0079028)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
287	Huỳnh Thị Kim Vân	26/11/1993	Nữ	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Thôn 9, Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0500202)		Tin học A (A 1255802)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
288	Nguyễn Ngọc Diễm	08/8/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Nhơn Thiện, An Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200950)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.008713)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
289	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/10/2001	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	33/323 Trần Phú, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001151	Tiếng Anh B1 22.B1.00030 0	Ứng dụng CNTT cơ bản THCB2024/2007		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
290	Võ Văn Đông	20/6/1995	Nam	Đề Gi, Gia Lai	140/27 Vườn Lài, An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học ngành Dược (PH01030)		Tin học Ứng dụng trình độ B (A 1642914)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
291	Lê Thị Hồng Nhung	16/9/1995	Nữ	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Tổ 3, khu phố Ca Công, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DM00001012)	Tiếng Anh bậc 3 (0017279)	Ứng dụng CNTT cơ bản (11230676)		Không	Không	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
292	Cao Tuấn Khoa	16/02/1986	Nam	Châu Thới, Cà Mau	51 Tam Hưng, Châu Thới, Cà Mau	Bác sĩ Y khoa (011324) và Bác sĩ Chuyên khoa cấp I Nội khoa (0035386)	Tiếng Anh B (A4872343)	Tin học chứng chỉ A (003054576)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
293	Võ Thị Kim Yến	14/9/2001	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Hẻm 711 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.1.0000 031)	Tiếng Trung bậc HSK3 (H32410053 239) ngày cấp:19/10/20 24	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0019049 2)		Không	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
294	Nguyễn Thị Kiều Oanh	15/11/2001	Nữ	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	711 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.1.0002 1)	Tiếng Trung bậc 3 (23B1.00234 3)	Ứng dụng CNTT cơ bản (021472)		Không	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú	
295	Đặng Ngọc Phước	04/01/2001	Nam	Bình Dương, Gia Lai	70/24/25/5 Hàn Mặc Tử, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.0007 82)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03		
296	Mai Thị Thọ	21/9/1997	Nữ	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Chung cư Long Thịnh, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005284)	Tiếng Anh B (A 2290603)	Tin học B (A 2596086)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
297	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	08/02/1999	Nữ	KDang, Gia Lai	31 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301780)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C002793)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
298	Lê Văn Thương	10/4/1993	Nam	An Nhơn, Gia Lai	Xóm Sờ Đông, tổ DP Thanh Danh, An Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (TĐU.4000280)	Tiếng Anh B1 (B12403293)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1916309)		Hoàn thành nghĩa vụ công an	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03		
299	Đoàn Thị Diệu Khuê	19/02/1989	Nữ	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Chung cư Nam Ngán, 44 Đinh Bộ Lĩnh, Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10200 063)	Tiếng Anh trình độ B (0044804)	Tin học Ứng dụng trình độ B (0540782)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
300	Phạm Thị Diệu Hương	17/3/2001	Nữ	la Hiao, Gia Lai	92B Tôn Thất Thuyết, p. Xóm Chiêu, TPHCM	Đại học ngành Dược YDS.DS.00t46 6	Tiếng Anh Bậc 4 E6001451	Tin học VP W-E 064301013 507		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
301	Lê Thị Minh Huệ	20/12/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Block C An Phú Thịnh, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0001 4)	Tiếng Anh trình độ B (A2133721)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A1306082)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
302	Nguyễn Thị Vân	24/10/1994	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	320 Lê Lợi, An Lạc Đông 1, Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS0024 19)	Tiếng Anh trình độ B (A1514010)	Tin học Ứng dụng trình độ A (A1712027)		Không	Không	Khoa Nội, Tư vấn và điều trị nghiện chất	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03		
303	Đinh Thị Ngoan	17/8/2000	Nữ	Hải Quang, Ninh Bình	49/14 Lê Văn Hưng, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS0016 65)		Ứng dụng CNTT cơ bản (TH006920)		Không	Không	Khoa Nội Nhi	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03		
304	Phạm Thị Diễm Thúy	15/8/2000	Nữ	An Nhơn Nam, Gia Lai	Khu vực Hòa Nghi, An Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001486)	Tiếng Anh B1 (0021886)	Ứng dụng CNTT nâng cao (012547)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
305	Nguyễn Thị Lan Anh	18/10/1995	Nữ	Cửu An, Gia Lai	Tú Thủy I, Cửu An, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000359)	Tiếng Anh trình độ B (A1507964)	Tin học Ứng dụng trình độ B (A1642983)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
306	Hoàng Xuân Vinh	13/12/2001	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	10 Ngõ Đức Đệ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000195)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0021057)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
307	Nguyễn Thị Xuân Nữ	27/3/2000	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Xóm 2, Hiệp Vinh 1, Canh Vinh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200930)	Tiếng anh Bậc 3 (E039498)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C.006149)		Không	Không	Khoa Nội Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
308	Đào Duy Phước	08/12/2001	Nam	Ngô Mây, Gia Lai	Vinh Phú, Ngô Mây, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201137)	Tiếng anh Bậc 3 (A000910)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C.013138)		Không	Không	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
309	Ngô Quang Long	06/10/2001	Nam	An Nhơn, Gia Lai	138 Lê Duẩn, An Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002682)	Tiếng anh Bậc 4 (E030398)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.YK.005293)		Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
310	Phạm Ngọc Thắng	27/6/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	01B Nguyễn Trãi, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (NTTYK.1010098)	Tiếng anh Bậc 3 (0025479)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0001562)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
311	Nguyễn Thị Trà My	24/10/1988	Nữ	la Ly, Gia Lai	Tổ 1, la Ly, Gia Lai	Đại học ngành Dược 516/DH	Tiếng Anh Bậc 2 A01102360	Tin học VP 0196894		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22		
312	Trần Bùi Trọng Hiếu	10/8/2000	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	27/20 Trang Quỳnh, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102678)	Tiếng anh TOEIC 615 (052200001521) ngày cấp:23/9/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản (0020894)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
313	Lê Thị Tròn	08/11/2001	Nữ	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Tổ 4, Khu phố Hy Văn, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000029)	Tiếng Trung HSK4 (H42412084772)	Ứng dụng CNTT cơ bản (022343)		Không	Thu hút	Khoa Châm cứu - Đường sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
314	Nguyễn Hoàng Lâm	23/5/2001	Nam	An Bình, Gia Lai	357/10 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002666)	Tiếng anh Bậc 4 (E015744)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.004710)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
315	Hồ Thị Thu	14/9/1996	Nữ	Tân Mai, Nghệ An	Đường Trần Đình, Khố Yên Ninh, Tân Mai, Nghệ An	Bác sĩ Y khoa (YDTBC000180)	Tiếng anh Bậc 4 (ĐHV/D00001305)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1254716)		Không	Thu hút	Khoa Tâm bệnh	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Kha Cận lâm sàng	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
316	Phạm Lê Huê	26/6/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	42A Trần Hưng Đạo, Tổ 4, An Hòa, Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (PH02129)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
317	Huỳnh Thị Diễm Hương	06/01/1997	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Xóm Đông, Trung Tín 1, Tuy Phước, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300037)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N0002524 422/NC/Q2 9)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
318	Lê Nguyễn Ngọc Nữ	01/12/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Liên Lợi, An Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302194)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
319	Võ Đăng Nhất Duy	17/5/1997	Nam	Bình Định, Gia Lai	190 Ngõ Gia Tự, Bình Định, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS10101 987)	Tiếng anh C (A031458)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0257482)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
320	Biện Tấn Hoàng Thiện	19/8/1988	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Kho xi Măng Duy Linh, xóm Ngọc Sơn 2, thôn Ngọc Thanh 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001445)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
321	Võ Xuân Ân	01/01/2000	Nam	Bồng Sơn, Gia Lai	18 Ba Đình, Tổ 2, Khu phố Trung Lương, Bồng Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000 049)	Tiếng Trung B1 (24.B1.00187 8)	Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001508)		Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
322	Nguyễn Đức Mạnh	29/02/1996	Nam	Phú Túc, Gia Lai	75 Hai Bà Trưng, Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 015949	Tiếng Anh B A2022865	Tin học B A1820238		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
323	Phan Anh Tuấn	25/11/1997	Nam	An Nhơn Đông, Gia Lai	137/10 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301229)	Tiếng anh A2 (060499)	Ứng dụng CNTT cơ bản (C0004859 0)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
324	Nguyễn Như Hoàng Linh	22/8/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Thôn Phú Mỹ II, Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0026 70)	Tiếng anh Bậc 4 (E019049)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 04955)		Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
325	Võ Thị Mỹ	02/11/2001	Nữ	Hội Sơn, Gia Lai	Tổ 1, Khu Phố 8, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.00091 6)	Tiếng anh Bậc 3 (E.039451)	Ứng dụng CNTT cơ bản (BMU.CB. 0005.28)		Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
326	Nguyễn Minh Trọng	06/6/1994	Nam	An Nhơn Nam, Gia Lai	Thọ Lộc 2, An Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.01420 99)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.00 38650)		Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tim mạch - Nội tiết	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
327	Nguyễn Ngọc Trí	27/02/1995	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	412 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.0004 79)		Tin học A (0232650)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
328	Lê Thị Thu Nguyệt	20/11/1982	Nữ	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	350/14 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014699)	Tiếng anh B (A230839)	Ứng dụng CNTT nâng cao (0044930)		Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
329	Đỗ Lê Diệu Linh	08/9/1999	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Số nhà 121, đường 17/3, Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10101 390)		Ứng dụng CNTT cơ bản (025377)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
330	Phạm Xuân Trung	22/11/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	16A Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.01616 34)	Tiếng anh Bậc 4 (QNU/CC-TA/0000232)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.00 51390)		Không	Không	Khoa phòng chống HIV/AIDS	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
331	Huỳnh Thị Thanh Hương	02/01/1990	Nữ	Hoài Ân, Gia Lai	Số 02 Hai Bà Trưng, Gia Chiêu 2, Hoài Ân, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10203 945)	Tiếng anh B (A441704)	Tin học B (A398967)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
332	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/8/2000	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Vinh Thạnh 1, Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.0023 83)	Tiếng anh Bậc 3 (TTN.E0008 0)	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 03120)		Không	Thu hút	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
333	Trịnh Nhã Trang	01/6/2002	Nữ	Kbang, Gia Lai	24 Giải Phóng, Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000358				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
334	Nguyễn Hoàng An	25/4/1991	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Hẻm 149/16 Tôn Thất Tùng, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000534	Tiếng Anh C A1199793	Tin học B A1413498		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
335	Nguyễn Lê Khánh Huy	21/12/2001	Nam	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	1696 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (04388)	Tiếng anh Bậc 3 (CC026329)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0020120)		Không	Thu hút	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Phòng Kế hoạch tổng hợp - CDT	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
336	Trần Đình Khiêm	15/12/1993	Nam	Văn Canh, Gia Lai	Số nhà 12 đường 3/2, Văn Canh, Gia Lai	Bác sĩ Y Khoa (000415) và Thạc sĩ Bác sĩ CK Nhi (004042)	Tiếng anh B1 (E11464)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0212164)		Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa cấp I Nhi	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
337	Lê Nguyễn Anh Tuấn	12/12/1992	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	280 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021493)	Tiếng anh B (A2243714)	Ứng dụng CNTT cơ bản (001369)		Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
338	Ngô Thị Đào	24/09/1993	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Thôn Trung Thành, Tuy Phước, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001320)	Tiếng anh B1 (0030025)	Ứng dụng CNTT cơ bản (003833DN T)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
339	Đỗ Thị Hồng Sâm	25/5/2000	Nữ	Ngô Mây, Gia Lai	Hội Lộc, Ngô Mây, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.01616 17)	Tiếng anh Bậc 3 (DND.F.000 3437)	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0 051361)		Không	Không	Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
340	Trần Thị Ngọc Thoa	18/3/1993	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	392 đường 3/2, Tam Quan, Gia Lai	Thạc sĩ ngành Dược (001623)	Tiếng anh B2 (BC1000002 1196)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1101288)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
341	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	19/5/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Chung cư Vina 2 Panorama, Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301423)	Cử nhân Ngôn ngữ anh (DT/CN/106 40)	Tin học B (A793169)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
342	Nguyễn Thị Cẩm Long	23/09/2000	Nữ	Ia Krêl, Gia Lai	Thôn Ia Lâm Tôl, Ia Krêl, Gia Lai	Đại học ngành Dược D103061				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
343	Nguyễn Văn Việt	05/01/1998	Nam	An Khê, Gia Lai	Thôn An Xuân 1, Xuân An, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược DLH0500476	Tiếng Anh B A2704455	Ứng dụng CNTT cơ bản 0491169		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
344	Trương Thị Mỹ Hào	21/6/2003	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	141 Ngô Quyền, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000405				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phù Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
345	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/3/2001	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	55 Nguyễn Thái Học, tổ 21, Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YKV.BS00231 7				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
346	Ksor H' Truyền	22/4/1994	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bôn Chơ Ma, Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 001377	Tiếng Anh B1 43/QĐ-TNU-LIC	Tin học B A1454457		Người dân tộc thiểu số	Không	Trạm Y tế xã Ia Pa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa		Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
347	Lê Hoàng	24/11/1992	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Tổ 3, 214 Hùng Vương, Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 001348				Không	Không	Khoa KSBT - HIV/AIDS và ATTP	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Khoa YTCC và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
348	Hồ Trúc Phương	02/02/2000	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	364/1m Dương Quảng Hàm, An Nhơn, TPHCM	Bác sĩ YHCT 03506	Tiếng Anh B1 610/4314/X	Tin học B QH5320252 1366		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
349	Ksor Rôbek	21/12/1995	Nam	Ia Tul, Gia Lai	Bôn Tul, Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa CA2562	Tiếng Anh Bậc 3 E6000408	Ứng dụng CNTT cơ bản 0011765		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền Nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
350	Nguyễn Thị Xuân Tâm	16/3/1997	Nữ	Pleiku, Gia Lai	33 Tôn Thất Tùng, tổ 6, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược DTY/DS/0003 3 Thạc sĩ Dược 0006540	Tiếng Anh Bậc 3 04896	Tin học 231061057		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
351	Nay Khôi	01/11/1999	Nam	Ia Sao, Gia Lai	Bôn Hoang 2, Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ YHCT DA0663	Tiếng Anh B1 DNC.E.0293 4	Ứng dụng CNTT cơ bản 0021929		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế Chư Páh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa YHCT	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
352	Hà Thị Bích Ngọc	26/8/1994	Nữ	Cửu An, Gia Lai	1149 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0002981	Tiếng Anh B (A408826)	Ứng dụng CNTT cơ bản (0252549)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
353	Phạm Hồng Yến Nhi	22/8/2001	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	TDP 7, Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.00081 0				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
354	Đỗ Thị Thanh Thanh	15/12/1995	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Thôn Bản Tân, Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301312	Tiếng Anh B A1943261TH B152520	Tin học ứng dụng A A2040063T HA151000		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
355	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/11/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	221 Phù Đồng, tổ 8, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104 570				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
356	Huỳnh Thị Quý	20/3/1994	Nữ	Bầu Cạn, Gia Lai	Thôn 2, Bầu Cạn, Gia Lai	Đại học ngành Dược 020983		Ứng dụng CNTT cơ bản 0798939		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
357	Trần Thị Kim Oanh	22/8/1995	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	3/2/6 Đinh Công Trang, tổ 5, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược 016064	Tiếng Anh B A2022911	Tin học A1820222		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
358	Lê Thị Hương	23/7/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	Thôn Đồng Tâm, Bầu Cạn, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001358	Tiếng Anh C A2549360	Ứng dụng CNTT cơ bản 0126224		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
359	Trần Nguyễn Thảo Ngân	19/12/2002	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	264 Hai Bà Trưng, Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000327	Toeic 830 ngày cấp 09/5/2025	Ứng dụng CNTT cơ bản DND.II.00 75451		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
360	Võ Thị Thúy Kiều	21/9/1987	Nữ	An Khê, Gia Lai	90/56 Hoàng Văn Thụ, tổ 5, An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104 195		Tin học VP TH838		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
361	Võ Thị Thảo Vân	10/10/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	TDP 8, Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000723				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
362	Lê Thái Bảo	20/6/1992	Nam	Ia Ko, Gia Lai	Nhà thuốc Thái Bảo, Thôn 1, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000660	Tiếng Anh A2 BSET2515997	Tin học A A454049		Không	Không	phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
363	Nguyễn Thảo Nguyên	02/7/1995	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	701 Hùng Vương, Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10201065	Tiếng Anh A2 125701	Tin học ứng dụng A A0104967		Không	Không	Khoa Dược - TTB - VTYT	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
364	Phan Thị Kỳ Hương	25/8/2003	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	25 Hà Huy Tập, Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000408				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
365	Siu H' Sương	24/11/1999	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	22 Hàm Nghi, TDP 1, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002422	Tiếng Anh B1 2024.B1.0399	Tin học TTN.TH.003365		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
366	Siu H' Lân	27/11/1999	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bôn Júr Ama Nại, Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002412	Tiếng Anh Bậc 3 142/QĐ-TNU-LIC	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH.003599		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội- Nhi- Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
367	Phạm Thị Thùy Dung	27/10/1993	Nữ	An Khê, Gia Lai	66 Hoàng Văn Thụ, tổ 3, An Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 000402 Bác sĩ CKI Sản phụ khoa 0076838	Tiếng Anh Bậc 3 A2822359	Ứng dụng CNTT cơ bản 0212145		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa	Trùng NV1			Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
368	R' Ô Thưa	15/4/1995	Nam	Ia Hiao, Gia Lai	Thôn Sô Ma Rong, Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002427	Tiếng Anh B1 70/QĐ-TNU-LIC	Tin học TTN.TH.004324		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Hồi Sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
369	Rcom H' Lúy	26/3/1999	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Buôn Đê, tổ 3, Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 03313				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
370	KPă Bay	22/3/1999	Nam	Ia Pa, Gia Lai	Bôn Thăm, Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 04052				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh- Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
371	Phạm Thị Bích Thủy	12/01/1991	Nữ	Ia Pia, Gia Lai	63 Trần Hưng Đạo, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHDP DHH.6.L.000029	Tiếng Anh B1 08311	Tin học B A589509		Không	Không	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
372	Siu H' Dương	21/7/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	TDP 2, Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002805	Tiếng Anh Bậc 3 2024.B1.0251	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH.005058		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng Hợp	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
373	Huỳnh Thị Ngọc Linh	12/02/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	57 Hoàng Văn Thụ, tổ 18, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược 028991		Ứng dụng CNTT cơ bản 1164838		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
374	Ksor H' Linh	06/6/1999	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0024 13	Tiếng Anh Bậc 3 E016093	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH.00 3302		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội-Nhi- Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
375	Nay Phim	28/01/1996	Nam	Ia Sao, Gia Lai	Bôn Phu Ama Nher 2, Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YDS.B1.00089 7	Tiếng Anh Bậc 4 00215433	Ứng dụng CNTT cơ bản C00169425		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nam	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
376	KPã H' Nur	11/3/1998	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Bôn Ia Rniui, Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0019 95	Tiếng Anh B1 2022.B1.136 3	Ứng dụng CNTT cơ bản TTN.TH.00 2174		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại Tổng Hợp	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
377	Nguyễn Thị Thanh Sang	02/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	46 Quang Trung, Thôn 1, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS.B3.00080 0				Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
378	Trần Thị Ngọc Liên	05/5/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Thôn 3, Kon Gang, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C0003776	GCN năng lực Tiếng anh bậc 3 E11703	Ứng dụng CNTT cơ bản C00134696		Không	Không	Khoa KSBT - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
379	Rcom Đa Vít	18/9/1997	Nam	Ia Hiao, Gia Lai	Bôn Mí Hoan, Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ YHDP 002615	GXN Tiếng anh B1 57/GXN-EDUVIET cấp ngày 27/9/2024	Tin học 025075		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/ AIDS	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
380	Rơ Mah H' Thủy	1997	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Làng Pang, Ia Dok, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0024 26	Tiếng anh B1 TTN.E.0006 9	Tin học TTN.TH.00 4319		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y khoa	Khoa YHCT- PHCN	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
381	Trần Huỳnh Uyên Nhung	19/11/1995	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	34 Quyết Tiến, Diên Hồng, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.00096	Tiếng anh B (A1399264)	Ứng dụng CNTT cơ bản (011093)		Không	Không	Trạm Y tế Pleiku cơ sở 3	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế phường Hội Phú cơ sở 3	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
382	Siu H' Nga	02/02/2000	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	22 Mai Thúc Loan, Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK 000079	Tiếng anh A2 BSET251653 9	Ứng dụng CNTT cơ bản DND.II.00 64812		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Cấn Lâm Sản	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm - CDHA	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
383	Lê Thị Kim Khánh	13/4/2001	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Thôn 3, Ia Krái, Gia Lai	Bác sĩ YHDP DHH.6.1.0000 032	GCN năng lực Tiếng anh bậc 3 E21798	GCN Tin học C00186920		Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa KSBT - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Ia Grai	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	
384	Nguyễn Thị Điệp	25/12/2000	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	TDP5, Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302418				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
385	Mai Phương Uyên	20/11/1998	Nữ	Mang Yang, Gia Lai	Tổ 2, Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 02861	Tiếng Anh Bậc 3 0023451	Tin học C00246029		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
386	Siu Lok	20/8//1996	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Làng Aneh, Ia Vê, Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TVU.3.002038	Tiếng Anh Bậc 3 QNU/CC-TA/0000289	Ứng dụng CNTT cơ bản TVU.TC.01 5209		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa HSCC	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
387	Hồ Thị Thùy Dung	07/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đường Lê Duẩn, thôn 9, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK000062	Tiếng Anh Bậc 3 A00879	Ứng dụng CNTT cơ bản 0066174		Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
388	Nguyễn Thị Mai Ly	02/10/1993	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Thôn Marin II, Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa VTTUDM0000 3429	Tiếng Anh B1 7607/CTU11 36.32824	Tin học B A.1246120		Không	Không	Khoa Khám bệnh- Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
389	Thái Thị Kiều Phương	12/02/1999	Nữ	Pleiku, Gia Lai	07 Lê Đình Chinh, tổ 11, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0018 96	Tiếng Anh B1 (68/QĐ-TNU-LIC	Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.0 02701)		Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
390	Rah Lan Muru	15/12/1998	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Thôn Tào Rông, Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.0024 15	Tiếng Anh B1 2024.B1.034 0	Tin học 015643		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cận lâm sàng	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	
391	Nguyễn Thị Ngọc Qui	02/6/1994	Nữ	Hòa Mỹ, Đăk Lăk	Thôn Phước Mỹ, Tây Hòa, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược 027697	Tiếng Anh C A3166789	Ứng dụng CNTT cơ bản C00008654		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
392	Nguyễn Thị Thùy Thương	02/12/2001	Nữ	Đăk Bla, Quảng Ngãi	459A Phạm Văn Đồng, Đăk Bla, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược D0001212				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
393	Lê Quỳnh Thu	03/02/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Thôn Ia Tô, Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.00085 9	TOEIC 134/YDBMT-NN-TOEIC ngày cấp: 22/6/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản 006286		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
394	Nguyễn Thị Oanh	26/3/2001	Nữ	Pờ Tó, Gia Lai	Thôn 3, xã Pờ Tó, Gia Lai	Đại học ngành Dược A000072	Tiếng Anh B1 0024571	Tin học ứng dụng 0020250		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
395	Vũ Thị Ngọc Huyền	03/6/1997	Nữ	Uar, Gia Lai	Thôn Huy Hoàng, Uar, Gia Lai	Đại học ngành Dược 029274	Tiếng Anh A2 058385	Tin học A A2729824		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
396	Ngô Hồng Phương Duy	16/12/1999	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	94 Trần Hưng Đạo, Mang Yang, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301558				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
397	Nguyễn Thị Kiều Nhi	28/10/1995	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	22/1/5 Lê Hồng Phong, tổ 7, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.00107 7	Toeic 440/YDBMT-NN-TOEIC ngày cấp: 07/01/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản 1101411		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	

STT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Địa chỉ báo tin	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/ trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
398	Ngô Thảo Nhi	05/9/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Lô 09 Phạm Hồng Thái, tổ 14, Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000990	Toeic 40/BMU-NN NC: 07/11/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản BMU.CB.000735		Không	Không	Khoa Dược- TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược- TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
399	Ksor H' Thưa	20/12/1998	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bôn Trôk, Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 010166	Tiếng Anh A2 BSET2516513	Ứng dụng CNTT cơ bản DND.II.0045097		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược- TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược- TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
400	Lê Nguyễn Hoàng Oanh	28/12/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	31 Hoàng Văn Thái, Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 030869	Tiếng Anh C A3275795	Ứng dụng CNTT cơ bản 0778855		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
401	Rơ Chăm Thiêm	01/02/1997	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Châm Aneh, Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300718				Người dân tộc thiểu số	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
402	Ksor H' Mốt	09/11/2001	Nữ	xã Ea Ly, tỉnh Đắk Lắk	Buôn Học, Ea Ly, tỉnh Đắk Lắk	Đại học ngành Dược D0001280	Tiếng Anh B1 23.B1.005597	Ứng dụng CNTT cơ bản C00156443		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
403	Nguyễn Thị Thực	20/9/1994	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	40 mê Linh, Ia Tang, Ia Dok, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301506				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	
404	Chu Thị Kiên	03/7/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	225 Nguyễn Việt Xuân, Hội Phú, Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 02090	TOEFL ITF 06419600516 8 ngày cấp 26/11/2024	Ứng dụng CNTT cơ bản 002404		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	

Tổng danh sách: 404 thí sinh